BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2013*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện trích xuất phạm nhân để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử

Để thi hành đúng quy định của Luật Thi hành án hình sự về thực hiện trích xuất phạm nhân ra khỏi trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ phục vụ điều tra, truy tố, xét xử; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện trích xuất phạm nhân để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thi hành quy định thực hiện trích xuất phạm nhân ra khỏi trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử và chế độ giam giữ, quản lý đối với phạm nhân trong thời gian được trích xuất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự các cấp, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trích xuất phạm nhân.

2. Phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ; người bị kết án tù mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, đã có quyết định thi hành án của Tòa án đang giam giữ tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ (sau đây gọi chung là phạm nhân).

Điều 3. Nguyên tắc trích xuất phạm nhân

1. Trích xuất phạm nhân chỉ được thực hiện khi có lệnh trích xuất bằng văn bản của người có thẩm quyền; trích xuất phải đúng người, đúng thời hạn ghi trong lệnh trích xuất, đúng quy định của Luật Thi hành án hình sự và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

2. Việc áp giải, quản lý, giam giữ và các chế độ, chính sách đối với phạm nhân trong thời gian trích xuất phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Thi hành án hình sự, hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II
THỦ TỤC TRÍCH XUẤT, THẨM QUYỀN RA LỆNH TRÍCH XUẤT, GIAO NHẬN VÀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ PHẠM NHÂN ĐƯỢC TRÍCH XUẤT

Điều 4. Gửi văn bản yêu cầu trích xuất

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao khi có yêu cầu trích xuất phạm nhân để phục vụ điều tra, truy tố thì việc gửi văn bản yêu cầu trích xuất phạm nhân được thực hiện như sau:

a) Trường hợp phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý thì phải gửi văn bản yêu cầu trích xuất đến Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng;

b) Trường hợp phạm nhân thuộc trại tạm giam do Công an cấp tỉnh quản lý; phạm nhân do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trực tiếp quản lý thì phải gửi văn bản yêu cầu trích xuất đến Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh quản lý trại tạm giam, nhà tạm giữ đó;

c) Trường hợp phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do cấp quân khu và tương đương (gọi chung là cấp quân khu) quản lý thì phải gửi văn bản yêu cầu trích xuất đến Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quản lý trại giam, trại tạm giam đó.

2. Cơ quan, người tiến hành tố tụng thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự Trung ương khi có yêu cầu trích xuất phạm nhân để phục vụ xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm thì gửi văn bản yêu cầu trích xuất đến cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu nơi đã xét xử sơ thẩm để ra lệnh trích xuất hoặc đề nghị ra lệnh trích xuất.

3. Cơ quan, người tiến hành tố tụng thuộc Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện khi có yêu cầu trích xuất phạm nhân để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử thì gửi văn bản yêu cầu trích xuất phạm nhân đến Thủ

trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cùng cấp nơi cơ quan yêu cầu trích xuất có trụ sở để ra lệnh trích xuất hoặc đề nghị ra lệnh trích xuất phạm nhân.

4. Cơ quan, người tiến hành tố tụng thuộc cấp quân khu, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp khu vực khi có yêu cầu trích xuất phạm nhân thì gửi văn bản đến Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cơ quan yêu cầu trích xuất có trụ sở để ra lệnh trích xuất hoặc đề nghị ra lệnh trích xuất.

5. Văn bản đề nghị ra lệnh trích xuất phạm nhân có các nội dung sau đây:

a) Tên cơ quan yêu cầu trích xuất;

b) Họ tên, năm sinh, nơi đăng ký thường trú của phạm nhân;

c) Ngày bị bắt, tội danh, thời hạn bị phạt tù, theo bản án số, ngày, tháng, năm, của Tòa án;

d) Quyết định thi hành án số, ngày, tháng, năm của Tòa án;

đ) Nơi đang giam giữ, chấp hành án phạt tù;

e) Mục đích trích xuất, thời hạn trích xuất, đơn vị được phân công áp giải và nơi giam giữ sau khi nhận phạm nhân trích xuất, người có thẩm quyền ký tên, đóng dấu cơ quan đề nghị ra lệnh trích xuất.

Văn bản đề nghị ra lệnh trích xuất phạm nhân phải gửi kèm theo văn bản yêu cầu trích xuất của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

Điều 5. Thẩm quyền ra lệnh trích xuất, đề nghị ra lệnh trích xuất phạm nhân

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do Bộ Quốc phòng quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra lệnh trích xuất hoặc đề nghị ra lệnh trích xuất như sau:

a) Ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại tạm giam, nhà tạm giữ do địa phương mình quản lý;

b) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý;

c) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thuộc địa phương khác ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân đang giam giữ tại trại tạm giam, nhà tạm giữ do Công an địa phương đó quản lý;

d) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do cấp quân khu quản lý.

4. Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra lệnh trích xuất hoặc đề nghị ra lệnh trích xuất như sau:

a) Ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do cấp quân khu quản lý;

b) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý;

c) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại tạm giam, nhà tạm giữ do Công an địa phương đó quản lý;

d) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khác ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân thuộc trại giam, trại tạm giam do cấp quân khu đó quản lý.

Điều 6. Thời hạn trích xuất, gia hạn trích xuất phạm nhân

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng căn cứ vào yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử để đề nghị thời hạn trích xuất, gia hạn trích xuất. Thời hạn trích xuất, thời hạn gia hạn trích xuất không được quá thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại của phạm nhân được trích xuất.

Thời hạn trích xuất, thời hạn gia hạn trích xuất được tính vào thời hạn chấp hành án phạt tù, trừ trường hợp phạm nhân đó bỏ trốn khỏi nơi giam trong thời gian được trích xuất.

2. Trường hợp hết thời hạn trích xuất, nhưng xét thấy cần gia hạn trích xuất thì chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước khi hết thời hạn trích xuất, cơ quan nhận phạm nhân được trích xuất phải gửi yêu cầu gia hạn trích xuất đến cơ quan đã ra lệnh trích xuất để gia hạn trích xuất. Văn bản yêu cầu gia hạn trích xuất phạm nhân phải nêu rõ lý do gia hạn, thời hạn gia hạn trích xuất.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu trích xuất, yêu cầu gia hạn trích xuất phạm nhân, cơ quan có thẩm quyền phải ra lệnh trích xuất, ra lệnh gia hạn trích xuất. Lệnh trích xuất, lệnh gia hạn trích xuất phải gửi cho nơi giao, nơi nhận phạm nhân được trích xuất và cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để theo dõi.

4. Trường hợp trong thời gian trích xuất mà Tòa án có thẩm quyền hủy bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra hoặc xét xử lại đối với phạm nhân được trích xuất thì cơ quan nhận phạm nhân trích xuất không làm đề nghị gia hạn trích xuất mà thực hiện chế độ giam giữ, quản lý phạm nhân được trích xuất theo quy định của pháp luật đối với bị can, bị cáo và người bị tạm giam, tạm giữ. Trường hợp khi Tòa án xét xử lại mà người đó bị xử phạt tù và sau khi có quyết định thi hành án phạt tù thì cơ quan nhận phạm nhân được trích xuất tiến

hành thủ tục đề nghị đưa người bị kết án phạt tù đi chấp hành án theo quy định tại Điều 22 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 7. Trả lại phạm nhân được trích xuất

Hết thời hạn ghi trong lệnh trích xuất, lệnh gia hạn trích xuất hoặc trong thời hạn trích xuất, thời hạn gia hạn trích xuất nhưng không còn nhu cầu trích xuất thì cơ quan nhận phạm nhân được trích xuất thực hiện như sau:

1. Gửi thông báo cho Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu nơi đã ra lệnh trích xuất phạm nhân và áp giải, bàn giao phạm nhân được trích xuất kèm theo tài liệu liên quan cho trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi đã giao phạm nhân trước khi trích xuất.

2. Trường hợp phạm nhân được trích xuất để xét xử bằng một bản án khác thì khi bản án đó có hiệu lực pháp luật, đã được tổng hợp hình phạt tù và có quyết định thi hành án, cơ quan nhận phạm nhân trích xuất phải gửi thông báo cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu nơi đã ra lệnh trích xuất phạm nhân và áp giải, bàn giao phạm nhân được trích xuất kèm theo tài liệu liên quan cho trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi đã giao phạm nhân trước khi trích xuất.

3. Trường hợp phạm nhân được trích xuất từ trại tạm giam, nhà tạm giữ, sau khi xét xử bằng một bản án khác không thuộc đối tượng phục vụ việc tạm giam, tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Thi hành án hình sự thì cơ quan nhận phạm nhân trích xuất phải gửi báo cáo cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để ra quyết định đưa phạm nhân đến trại giam chấp hành án. Cơ quan nhận phạm nhân trích xuất phải thông báo cho cơ quan đã giao phạm nhân trích xuất về việc đã đưa phạm nhân đến trại giam chấp hành án.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn trích xuất, thời hạn gia hạn trích xuất, nhưng cơ quan đã giao phạm nhân được trích xuất không nhận được phạm nhân hoặc không nhận được lệnh gia hạn trích xuất hoặc không nhận được thông báo phạm nhân đã chuyển đến nơi khác chấp hành án thì cơ quan đã giao phạm nhân trích xuất có trách nhiệm gửi thông báo đến cơ quan đã nhận phạm nhân và cơ quan đã ra lệnh trích xuất để đề nghị giao trả phạm nhân hoặc gửi lệnh gia hạn trích xuất.

Điều 8. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho phạm nhân được trích xuất

1. Hai tháng trước khi phạm nhân được trích xuất hết thời hạn chấp hành án phạt tù (bản án mà phạm nhân đang chấp hành), trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan thi hành án hình sự công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi giao phạm nhân trích xuất phải gửi

thông báo ngày phạm nhân chấp hành xong án phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Thi hành án hình sự. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi giao phạm nhân được trích xuất phải cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù cho người được trích xuất và thông báo cho cơ quan nhận người được trích xuất, cơ quan có liên quan. Cơ quan nhận người được trích xuất có trách nhiệm trả tự do ngay cho người đó theo quy định tại Điều 40 Luật Thi hành án hình sự.

2. Trường hợp phạm nhân được trích xuất đang bị tạm giam để điều tra, truy tố, xét xử về tội phạm khác, mà thời hạn chấp hành án phạt tù đã hết thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi giao phạm nhân được trích xuất cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù và gửi đến cơ quan đã ra lệnh trích xuất, nơi nhận phạm nhân trích xuất và các cơ quan theo quy định tại khoản 6 Điều 40 Luật Thi hành án hình sự. Sau khi bản án mới có hiệu lực pháp luật và có quyết định thi hành án, cơ quan nhận và đang quản lý phạm nhân được trích xuất không bàn giao phạm nhân đó cho cơ quan đã giao phạm nhân được trích xuất mà phải tiến hành thủ tục đề nghị cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ra quyết định đưa phạm nhân đi chấp hành án.

Điều 9. Thủ tục giao nhận, áp giải phạm nhân được trích xuất

1. Sau khi nhận lệnh trích xuất phạm nhân, cơ quan được giao áp giải phạm nhân được trích xuất phải cử cán bộ mang giấy giới thiệu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc Thẻ điều tra viên, Chứng minh sỹ quan, hạ sỹ quan (đối với cán bộ, chiến sỹ thuộc Bộ Quốc phòng) kèm theo lệnh trích xuất đến nhận và áp giải phạm nhân; trường hợp lệnh trích xuất được gửi qua đường cơ yếu thì lệnh đó phải có xác nhận (ký tên, đóng dấu) của Thủ trưởng cơ quan nhận văn bản qua đường cơ yếu.

2. Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, lập biên bản về việc giao, nhận, ghi sổ theo dõi và bàn giao phạm nhân kèm theo tiền, tài sản lưu ký (nếu có) cho cơ quan nhận, áp giải, quản lý phạm nhân được trích xuất.

3. Trường hợp phạm nhân có tên trong lệnh trích xuất do bị bệnh nặng, trốn, chết, tạm đình chỉ chấp hành án, đã điều chuyển đến nơi khác hoặc đã được trả tự do theo quyết định của người có thẩm quyền và không thực hiện được việc giao, nhận phạm nhân theo lệnh trích xuất thì đơn vị thực hiện lệnh trích xuất phải thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan yêu cầu trích xuất, cơ quan đề nghị ra lệnh trích xuất và cơ quan ra lệnh trích xuất.

4. Khi bàn giao phạm nhân được trích xuất cho trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện để tiếp tục chấp hành án phạt tù phải

có bản nhận xét kết quả chấp hành nội quy, quy chế trại tạm giam, nhà tạm giữ và các tài liệu liên quan trong thời gian trích xuất.

5. Việc tiếp nhận phạm nhân được trích xuất đến trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ để tiếp tục chấp hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 10. Chế độ giam giữ, quản lý đối với phạm nhân được trích xuất

Chế độ giam giữ, quản lý đối với phạm nhân được trích xuất được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự; trường hợp phạm nhân được trích xuất là bị can, bị cáo trong vụ án đang điều tra, truy tố, xét xử thì chế độ giam giữ, quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2013

Những hướng dẫn trước đây của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao về trích xuất phạm nhân trái với Thông tư liên tịch này đều bãi bỏ.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân, Tòa án Quân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát Quân sự chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có hướng dẫn kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Lê Quý Vương

KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC

Đặng Quang Phương

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hải Phong